

Quận 5, ngày 29 tháng 9 năm 2023

BIÊN BẢN

**V/v niêm yết công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo
Năm học 2023 - 2024**

Vào hồi 09 giờ 00 ngày 29 tháng 09 năm 2023, tại Trường THPT Hùng Vương, địa chỉ:
124 Hồng Bàng – Phường 12 – Quận 5,

Chúng tôi gồm:

- | | |
|---------------------------|--------------------------|
| – Bà Trương Thị Bích Thủy | Chức vụ: Hiệu trưởng |
| – Ông Lê Quang Huy | Chức vụ: Phó Hiệu trưởng |
| – Bà Nguyễn Thị Thu Hằng | Chức vụ: Thư kí hội đồng |

Tiến hành ghi nhận và lập biên bản về việc niêm yết các nội dung công khai của trường THPT Hùng Vương theo *Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân*, cụ thể như sau:

Công khai cam kết chất lượng giáo dục năm học 2023 – 2024;

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường THPT Hùng Vương năm học 2022 – 2023;

Công khai thông tin cơ sở vật chất của Trường THPT Hùng Vương năm học 2023 - 2024;

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của Trường THPT Hùng Vương năm học 2023 – 2024;

Địa điểm công khai: Văn phòng Trường.

Thời gian niêm yết công khai: 30 ngày kể từ ngày 29 tháng 09 năm 2023 đến hết ngày 28 tháng 10 năm 2023.

Biên bản được lập xong lúc 9g30 phút cùng ngày./.

THƯ KÍ



Nguyễn Thị Thu Hằng

**NGƯỜI
CÙNG CHỨNG KIẾN**



Lê Quang Huy

HIỆU TRƯỞNG



Trương Thị Bích Thủy

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông, năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	Theo quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM: Lớp 10 xét tuyển trên địa bàn toàn thành phố. 1/ Điểm chuẩn tuyển sinh vào lớp 10: Nguyên vọng 1: 19,25 điểm; nguyên vọng 2: 19,75 điểm; nguyên vọng 3: 20,50 điểm. 2/ Tuyển sinh vào lớp 10 tăng cường tiếng Anh: Được thực hiện trong số học sinh đã trúng tuyển vào lớp 10 của trường. Học sinh phải đảm bảo các yêu cầu: có học bạ tăng cường Tiếng Anh cấp THCS hoặc các chứng chỉ tiếng Anh liên quan; Tốt nghiệp THCS loại Khá, Giỏi. 3/ Tuyển sinh vào lớp 10 tăng cường tiếng Trung (ngoại ngữ 1): Học sinh có nhu cầu đăng kí học 4/Tuyển sinh vào lớp 10 tăng cường tiếng Hàn (ngoại ngữ 1): Học sinh có nhu cầu đăng kí học 5/ Tuyển sinh vào lớp 10 tin học ứng dụng chuẩn quốc tế (MOS): Học sinh có nhu cầu đăng kí. 6/ Học sinh thuộc diện tuyển thẳng: Học sinh khuyết tật, học sinh đạt giải quốc gia về thể dục thể thao do Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM gửi danh sách về trường.		
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	1/Tiếp tục thực hiện theo chương trình hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Khối 10, 11 thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới 2018; Khối 12 thực hiện chương trình giáo dục 2006. 2/Thực hiện chương trình nhà trường. 3/Các Tổ (nhóm) chuyên môn, các Ban hoạt động linh hoạt trong việc thực hiện khung chương trình. Tiếp tục phụ đạo HS yếu kém, dạy bồi dưỡng HS giỏi, hướng dẫn HSNCKH. Tổ chức các chuyên đề kỹ năng, hướng nghiệp, tổ chức các buổi học tập trải nghiệm cho học sinh.		
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh.	Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình qua các hoạt động nối kết giữa Giáo viên-Phụ huynh; Học sinh- Học sinh trong các giờ sinh hoạt lớp, ngoại khóa- trải nghiệm, giáo dục hướng nghiệp..... Học sinh tích cực, chuyên cần, chủ động trong học tập, phát triển toàn diện, mạnh khỏe về thể chất, mạnh mẽ về trí lực, có lối sống đạo đức lành mạnh, có kỹ năng sống, có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội, đáp ứng yêu cầu trong đời sống đô thị và hội nhập quốc tế, có thái độ đúng đắn với các hiện tượng tự nhiên và xã hội. Tham gia tích cực các hoạt động trải nghiệm, giáo dục STEM/ STEAM, các giờ học kỹ năng sống, nghiên cứu khoa học...		
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm - hướng nghiệp - giáo dục địa phương - ngoài giờ lên lớp gồm 4 nhóm hoạt động: hoạt động trải nghiệm - ngoại khóa, hoạt động giáo dục hướng nghiệp, hoạt động giáo dục địa phương, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Chuyển mạnh sang hướng hoạt động trải nghiệm nhằm tăng cường mở rộng không gian lớp học cho học sinh với phương châm "thực học, thực nghiệm", đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất người học; Bồi dưỡng thái độ tích cực tham gia các hoạt động tập thể và hoạt động xã hội. Đẩy mạnh giáo dục kỹ năng cho học sinh như kỹ năng thực hành, kỹ năng sống (kỹ năng giao tiếp ứng xử có văn hóa, kỹ năng tổ chức quản lí và tham gia các hoạt động tập thể, kỹ năng tự kiểm tra đánh giá kết quả học tập rèn luyện...). Giáo dục tư tưởng, đạo đức tác phong, pháp luật. Khuyến khích, thu hút học sinh tham gia các hoạt động góp phần phát triển năng lực học sinh như: Văn hóa- văn nghệ, thể dục- thể thao...tăng cường tính giao lưu, hợp tác nhằm thúc đẩy học sinh hứng thú học tập, rèn luyện kỹ năng sống, bổ sung hiểu biết về các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc và tinh hoa văn hóa thế giới....		
V	Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	* Hạnh kiểm: (khá, tốt) $\geq 99\%$ * Học lực: giỏi $\geq 53,6\%$; Khá $\geq 43,55\%$, Yếu $\leq 0,05\%$ * Giáo dục thể chất: 100% học sinh đạt yêu cầu		
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Lên lớp thẳng	Lên lớp thẳng	Đỗ ĐH-CD
		100%	99%	$\geq 90\%$

Quận 5, ngày 29 tháng 09 năm 2023

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
TRƯỜNG
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
HÙNG VƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Trương Thị Bích Thủy

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	3061	1068	998	995
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	2947 96.28%	1047 98.03%	949 95.09%	951 95.58%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	96 3.14%	18 1.69%	38 3.81%	40 4.02%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	16 0.52%	1 0.09%	11 1.1%	4 0.4%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	2 0.07%	2 0.19%		
II	Số học sinh chia theo học lực	3061	1068	998	995
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	1157 37.8%	362 33.9%	447 44.79%	348 34.97%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	1643 53.68%	609 57.02%	465 46.59%	569 57.19%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	255 8.33%	96 8.99%	81 8.12%	78 7.84
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	6 0.2%	1 0.09%	5 0.5%	
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)				
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	3061	1068	998	995
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	3054 99.77%	1066 99.81%	993 99.5%	995 100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	1153 33.67%	362 33.9%	444 44.49%	347 34.87%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	1032 33.71%		463 46.39%	569 57.19%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	6 0.2%	1 0.09%	5 0.5%	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	1 0.03%	1 0.09%		
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	38 1.27%	20 1.87%	18 1.8%	

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)				
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)				
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	43	2	2	39
1	Cấp huyện				
2	Cấp tỉnh/thành phố	43	2	2	39
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	995			
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	994			
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	104			10,45%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	810			81,41%
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	80			8,04%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	91%			91%
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	1440/1621	533/535	452/546	455/540
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	780	301	248	231

Quận 5, ngày 29 tháng 09 năm 2023

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Trương Thị Bích Thuỷ

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục phổ thông,
năm học 2023 - 2024**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân (Số m ² /học sinh)
I	Số phòng học	70	1,25 m ²
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	70	
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	10	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)		
7	Bình quân lớp/phòng học	70/70	
8	Bình quân học sinh/lớp	44	
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	21.616,4m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	1500 m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng	3850 m ²	
1	Diện tích phòng học (m ²)	55 m ²	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	813 m ²	
3	Diện tích thư viện (m ²)	98 m ²	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	90 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 10	7	
1.2	Khối lớp 11	7	
1.3	Khối lớp 12	7	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 10		
2.2	Khối lớp 11		
2.3	Khối lớp 12		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)		-
4			
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	150	

IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		
1	Ti vi		
2	Cát xét		
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		
5	Thiết bị khác...		
6			
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		
1	Ti vi	14	
2	Cát xét	12	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	30	
5	Thiết bị khác...		

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	3,850	758	5,07 m ²
XIII	Khu nội trú	0	0	0

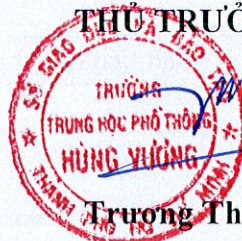
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m²/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x				0,42
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*			x		0.08

(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Quận 5, ngày 29 tháng 09 năm 2023

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Trương Thị Bích Thủy

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục phổ thông,
năm học 2023 - 2024

ST T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				Ghi chú
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	TB	Kém	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	163		28	72	1	2	11	146			143				
I	Giáo viên	139		26	65											
	Trong đó số giáo viên dạy môn:															
1	Toán	21		7	14				21			21				
2	Vật Lý	13		6	7				13			13				
3	Hóa học	12		3	9				12			12				
4	Sinh học	8		1	7				8			8				
5	Ngữ văn	18		4	14				18			18				
6	Lịch sử	7		2	5				7			7				
7	Địa lí	9		0	9				9			9				
8	Ngoại ngữ	17		2	15				17			17				
9	Tin học	9		4	5				9			9				
10	Thể dục - Quốc phòng	15		2	13				15			15				
11	Giáo dục Công dân	6		1	5				6			6				
12	Công nghệ	3		1	2				3			3				
13	Tâm lý GD															
14	Môn nghề	1		0	1				1			1				
II	Cán bộ quản lý	4		2	2				4			4				
1	Hiệu trưởng	1		1					1			1				
2	Phó hiệu trưởng	3		2	1				3			3				
III	Nhân viên	20														
1	Nhân viên văn thư	1					1									
2	Nhân viên kế toán	1				1										
3	Thủ quỹ															
4	Nhân viên y tế	1					1									
5	Nhân viên thư viện	1				1										
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	2														
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người Khuyết tật	0														
8	Nhân viên công nghệ thông tin															
9	Nhân viên khác	14														

Quận 5, ngày 29 tháng 9 năm 2023

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Trương Thị Bích Thuý

